

Bản án số: 12/2019/DS-ST  
Ngày 17 tháng 6 năm 2019  
V/v tranh chấp “yêu cầu thực  
hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Cúc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Huỳnh Thị Lệ**
2. Ông **Nguyễn Đình Hoa**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Chu Thị Phương Thùy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 17/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn L** - Sinh năm: 1962. Địa chỉ: Tổ 60, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trương Hữu G** - Sinh năm: 1969 và bà **Bùi Thị A** - Sinh năm: 1970. Cùng địa chỉ: K447/52 đường N, tổ 41 phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Văn L trình bày:*

Vào ngày 21/4/2017, vợ chồng ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A có mượn của tôi số tiền 60.000.000 đồng và vợ chồng ông G hẹn trong vòng 30 ngày sẽ trả số tiền trên và có viết giấy mượn tiền cho tôi, nhưng vợ chồng ông G không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết.

Tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A trả cho tôi số tiền 60.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A có bản tự khai như sau: Ngày 21/4/2017 vợ chồng tôi có mượn của ông Phạm Văn L số tiền 60.000.000 đồng và hẹn trong vòng 30 ngày sẽ trả số tiền trên và có viết giấy mượn tiền cho ông L. Vì do làm ăn thua lỗ nên xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 4/2019 và trả vào ngày 20 hàng tháng cho đến khi hết số nợ trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” giữa nguyên đơn ông Phạm Văn L và bị đơn ông Trương Hữu G, bà Bùi Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tòa án đã giao giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đối với bị đơn ông Trương Hữu G, bà Bùi Thị A nhưng ông G, bà A vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông G, bà A.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L, Hội đồng xét xử thấy:

Vào ngày 21/4/2017, vợ chồng ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A có mượn của ông Phạm Văn L số tiền 60.000.000 đồng và vợ chồng ông G hẹn trong vòng 30 ngày sẽ trả số tiền trên và có viết giấy mượn tiền cho ông L, nhưng vợ chồng ông G không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Tại phiên tòa hôm nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A trả cho ông số tiền 60.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A có bản tự khai ngày 19/3/2019 thừa nhận có mượn của ông Phạm Văn L số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 21/4/2017 hẹn trong vòng 30 ngày sẽ trả số tiền trên và có viết giấy mượn tiền cho ông L. Vì do làm ăn

thua lỗ nên xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 4/2019 và trả vào ngày 20 hàng tháng cho đến khi hết số nợ trên.

Do ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại điều 278, 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và việc xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng của vợ chồng ông G, bà A không được ông L đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L, buộc vợ chồng ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A phải thanh toán cho ông Phạm Văn L số tiền 60.000.000 đồng, ông L không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không đề cập.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:* - Khoản 2 Điều 227, 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L đối với vợ chồng ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Xử: Buộc vợ chồng ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A phải thanh toán cho ông Phạm Văn L số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A phải chịu.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn L số tiền tạm ứng án phí DS-ST đã nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0005998 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu TP. Đà Nẵng.

Nguyên đơn ông Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trương Hữu G và bà Bùi Thị A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiếu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Cúc**